

NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC TỚI CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH (PAPI) TẠI VIỆT NAM

Đỗ Đức Thiện
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Tóm tắt: Bài nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa trình độ giáo dục và chỉ số PAPI tại Việt Nam. Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nguồn vốn con người, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện sự công bằng xã hội. Dữ liệu thực chứng cho thấy trình độ học vấn có mối liên hệ mật thiết với nhận thức chính trị, khả năng tích lũy tài sản và tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền và nhóm dân tộc vẫn là rào cản lớn, làm gia tăng khoảng cách về mức độ hài lòng đối với quản trị công. Nghiên cứu chỉ ra rằng việc nâng cao trình độ học vấn không chỉ giúp người dân tham gia hiệu quả hơn vào các thiết chế dân chủ cơ sở mà còn là nền tảng để cải thiện chỉ số PAPI bền vững.

Từ khóa: Chỉ số PAPI; Giáo dục; Tác động; Tỉnh; Việt Nam.

RESEARCH ON THE IMPACT OF EDUCATION ON THE PROVINCIAL GOVERNANCE AND PUBLIC ADMINISTRATION PERFORMANCE INDEX (PAPI) IN VIETNAM

Abstract: This study analyzes the relationship between educational attainment and the PAPI index in Vietnam. Education plays a pivotal role in enhancing human capital, driving economic growth, and promoting social equity. Empirical evidence indicates that education is closely linked to political awareness, wealth accumulation, and access to online public services. However, inequalities in educational access across regions and ethnic groups remain significant barriers, widening the gap in satisfaction with public governance. The research highlights that improving general knowledge not only empowers citizens to participate more effectively in local democratic institutions but also serves as a foundation for sustainable improvement of the PAPI index.

Keywords: Education; Impact; PAPI index; Province; Vietnam.

Nhận bài: 17/03/2026

Phản biện: 18/04/2026

Duyệt đăng: 23/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục luôn đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng nguồn vốn con người, bao gồm kỹ năng và kiến thức giúp cá nhân và nền kinh tế phát triển bền vững (Hanh & Dung, 2021).

Việt Nam hiện nay dành khoảng một phần năm ngân sách quốc gia cho giáo dục, cùng với các nỗ lực nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận và cải thiện sự công bằng, với tỷ lệ nhập học tiểu học cao, tỷ lệ biết chữ cao trong nhóm người từ 15-60 tuổi và những tiến bộ liên tục hướng tới phổ cập giáo dục trung học (Le & cộng sự, 2021). Xét trên phạm vi rộng hơn, giáo dục ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng vì nó là một phần của sự cải thiện tổng thể đời sống người dân, cùng với những tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ xã hội khác (Thien Nga, 2024). Mặc dù Việt Nam đạt kết quả PISA vượt trội so với các quốc gia cùng mức thu nhập, nhưng sự không đồng đều trong giáo dục vẫn tồn tại, đặc biệt là rào cản đối với trẻ em dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở vùng sâu vùng xa. Bên cạnh đó, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh (PAPI) nổi lên như một công cụ cung cấp bằng chứng thực chứng về chất lượng điều hành từ cấp tỉnh đến cơ sở thông qua trải

nh nghiệm của người dân. PAPI không chỉ phản ánh sự minh bạch và trách nhiệm giải trình mà còn là công cụ giải thích tại sao tiến bộ giáo dục lại khác nhau giữa các địa phương. Mối quan hệ này mang tính hai chiều: quản trị công hiệu quả giúp kết quả giáo dục bình đẳng hơn, trong khi trình độ học vấn cao hơn giúp người dân nhận thức tốt hơn về quyền lợi để tham gia tích cực vào đời sống chính trị - xã hội, từ đó tác động trực tiếp đến các chỉ số thành phần của PAPI.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Vai trò của giáo dục trong phát triển nguồn vốn con người và xã hội

Giáo dục là động lực chính giúp nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn và trí tuệ, đồng thời giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp và nghèo đói. Đầu tư vào giáo dục không chỉ mang lại lợi ích kinh tế như tăng thu nhập cá nhân mà còn cải thiện sức khỏe, sự ổn định gia đình và hạnh phúc qua nhiều thế hệ. Bằng chứng từ một cuộc cải cách giáo dục cho thấy rằng việc gia tăng số năm đi học đã nâng cao trình độ đọc viết và tăng cường sự tham gia vào các công việc phi nông nghiệp,

nhưng nó cũng thay đổi cuộc sống gia đình và hộ gia đình: các nhóm được tiếp xúc với giáo dục có nhiều khả năng kết hôn hơn, có vợ/chồng được giáo dục tốt hơn, thể hiện sự ổn định nơi cư trú tốt hơn và đầu tư nhiều hơn vào vốn con người của con cái thông qua việc ghi danh vào trường học nhiều hơn và chi tiêu nhiều hơn cho học phí, sách vở và các tài liệu học tập khác. Nghiên cứu tương tự cũng cho thấy sự đầu tư nhiều hơn vào sức khỏe và giảm thiểu lao động trẻ em trong số con cái của họ, điều này cho thấy rằng giáo dục có thể định hình các lựa chọn nuôi dạy con cái và hạnh phúc lâu dài của gia đình qua nhiều thế hệ (Cornelissen & Dang, 2022).

Bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng giáo dục có liên quan đến sức khỏe tốt hơn cho người lớn ở Việt Nam. Những người có trình độ học vấn cao hơn có nhiều khả năng báo cáo về sức khỏe hiện tại tốt hơn và nguy cơ mắc các bệnh nghiêm trọng thấp hơn, và một nghiên cứu cho thấy thu nhập hộ gia đình là một kênh quan trọng mà qua đó giáo dục cải thiện sức khỏe ở Việt Nam (Tran, 2022). Đối với người lớn tuổi, lợi ích dường như cũng mang tính chất tâm lý và xã hội: trình độ học vấn cao hơn gắn liền với hạnh phúc và sự hài lòng trong cuộc sống cao hơn, cũng như giảm bớt sự cô đơn và trầm cảm, với cả tác động trực tiếp và gián tiếp đến hạnh phúc chủ quan của cả nam và nữ.

Tóm lại, điều này có nghĩa là tác động của giáo dục ở Việt Nam không chỉ đơn thuần là nâng cao thu nhập. Giáo dục còn có thể cải thiện sức khỏe, tăng cường sự ổn định gia đình, hỗ trợ việc học hành của trẻ em, giảm thiểu lao động trẻ em và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, một số lợi ích lớn nhất từ giáo dục có thể thể hiện rõ nhất trong gia đình và qua nhiều thế hệ, chứ không chỉ giới hạn ở thị trường lao động (Cornelissen & Dang, 2022; Tran, 2022).

2.1.2. Chỉ số PAPI và tầm quan trọng của nó đối với kết quả giáo dục

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh (PAPI) được hiểu rõ nhất ở đây như một cuộc khảo sát về quản trị và dịch vụ công, thu thập ý kiến của người dân về tình hình và hiệu quả hoạt động của nhà nước tại các tỉnh thành ở Việt Nam. Đối với lĩnh vực giáo dục, giá trị của PAPI chủ yếu là gián tiếp: nó giúp thể hiện điều kiện hoạt động của giáo dục tại địa phương, đặc biệt là nghèo đói, bất bình đẳng và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu. Một nghiên cứu sử dụng PAPI chỉ ra rằng cuộc khảo sát này xác định nghèo

đói là một trong những vấn đề cấp bách nhất cần chính phủ hành động, và nó liên kết bất bình đẳng giàu nghèo với cơ hội việc làm kém hơn và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu yếu hơn, đặc biệt là ở các vùng núi phía Bắc và Tây Nguyên. Nghiên cứu tương tự cũng tìm thấy mối quan hệ giữa trình độ học vấn và tích lũy tài sản, và lập luận rằng phát triển giáo dục do đó nên là ưu tiên hàng đầu trong quy hoạch kinh tế - xã hội của Việt Nam (Vo & Ho, 2022).

Vì vậy, mối liên hệ chính giữa PAPI và kết quả giáo dục không phải là PAPI tự nó là một chỉ số điểm số, mà là nó có thể giúp giải thích tại sao sự tiến bộ giáo dục lại khác nhau giữa các địa phương. Nếu các tỉnh nghèo hơn hoặc các khu vực bất bình đẳng hơn có khả năng tiếp cận dịch vụ yếu hơn và ít cơ hội hơn, thì học sinh ở đó có thể phải đối mặt với những điều kiện khó khăn hơn để tiếp tục đi học, chuyển đổi việc học thành việc làm, hoặc chuyển đổi giáo dục thành cơ hội thăng tiến. Theo nghĩa đó, PAPI hữu ích như một công cụ theo ngữ cảnh: nó có thể chỉ ra nơi cần cải thiện quản trị, giảm nghèo và khả năng tiếp cận dịch vụ nếu muốn kết quả giáo dục trở nên bình đẳng hơn trên khắp Việt Nam (Vo & Ho, 2022).

2.2. Thực trạng của giáo dục và chỉ số PAPI tại Việt Nam

2.2.1. Giáo dục

Trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam ghi nhận những thành tựu đáng kể với kết quả PISA vượt trội so với các quốc gia có cùng trình độ phát triển kinh tế. Theo báo cáo thực chứng từ OECD, tỷ lệ học sinh Việt Nam đạt ngưỡng năng lực Toán học từ cấp độ 2 trở lên chiếm 72%, cao hơn mức trung bình 69% của khối OECD. Nhóm học sinh đạt thành tích xuất sắc (thuộc cấp độ 5 hoặc 6) chiếm tỷ lệ 5%, trong khi mức trung bình chung của các quốc gia OECD là 9%. Xét trên quy mô tổng thể, năng lực Toán học của học sinh Việt Nam xếp vị trí 31/81 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia khảo sát.

Đáng chú ý, khi phân tích dựa trên chỉ số điều kiện kinh tế - xã hội, điểm số môn Toán của học sinh Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới, chỉ đứng sau các thực thể Hong Kong (Trung Quốc), Đài Loan (Trung Quốc) và Hàn Quốc. Về mặt phương pháp luận, chỉ số PISA về tình trạng kinh tế - xã hội và văn hóa được thiết lập như một hệ quy chiếu chung, cho phép chuẩn hóa và so sánh kết quả học thuật giữa các nhóm học sinh có hoàn cảnh tương đồng trên phạm vi toàn cầu, không phụ thuộc vào ranh giới quốc gia.

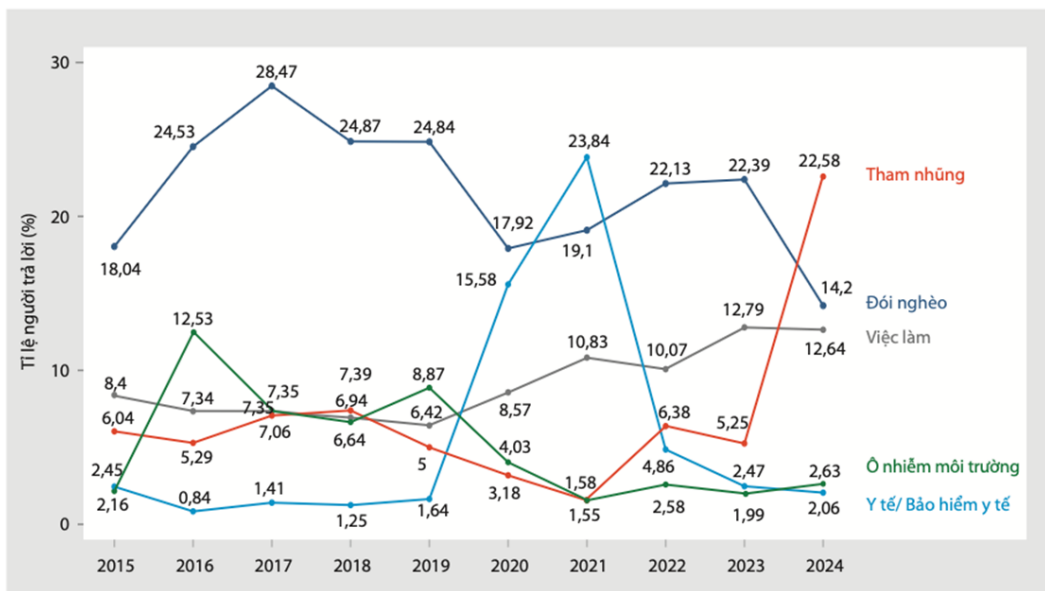
Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan, dữ liệu thực chứng cũng chỉ ra thách thức lớn về sự bất bình đẳng trong giáo dục. Trẻ em thuộc các nhóm dân tộc thiểu số và hộ gia đình nghèo tại khu vực vùng sâu, vùng xa vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản mang tính hệ thống, làm hạn chế khả năng thăng tiến học thuật sau khi hoàn thành cấp trung học cơ sở.

2.2.2. Chỉ số PAPI

Kết quả khảo sát PAPI năm 2024 ghi nhận sự cải thiện về hiệu quả quản trị và hành chính công tại Việt Nam trên 7/8 chỉ số nội dung, trong đó các lĩnh vực “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” và “Quản trị điện tử” đạt được những tiến bộ mang tính thực chất. Tuy nhiên, dữ liệu thực chứng vẫn phản ánh sự phân hóa rõ rệt về năng lực quản trị theo địa giới hành chính, khi các tỉnh

thành thuộc khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên thường đạt mức điểm thấp hơn so với các địa phương vùng đồng bằng.

Phân tích dữ liệu về năm nhóm vấn đề hệ trọng giai đoạn 2015–2024 cho thấy sự dịch chuyển đáng kể trong tâm thế của người dân đối với các thách thức kinh tế - xã hội. Đáng chú ý, tỷ lệ người trả lời xác định tham nhũng là mối quan ngại hàng đầu trong năm 2024 đã gia tăng đột biến từ 5,25% lên 22,58%, tương ứng với mức tăng 17 điểm phần trăm so với năm 2023. Ngược lại, sự lo ngại về vấn đề đói nghèo có xu hướng giảm từ mức 22,39% xuống còn 14,2%. Biến động này phản ánh bối cảnh thực tiễn khi nền kinh tế Việt Nam ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực và công tác phòng, chống tham nhũng được triển khai quyết liệt hơn.



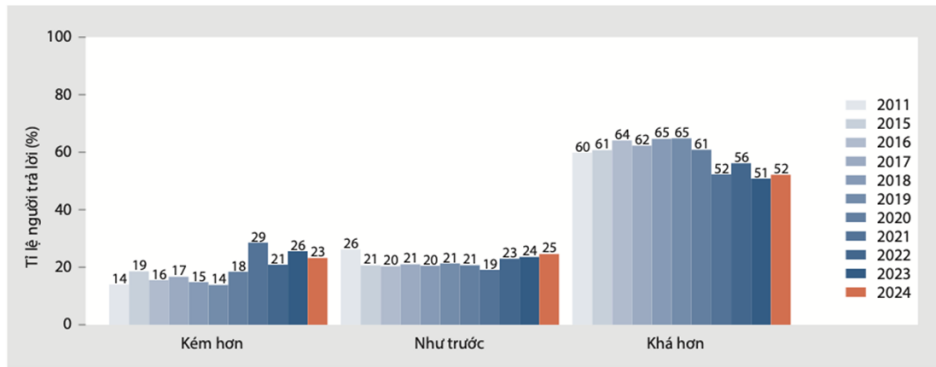
Hình 1. Xu thế thay đổi ở một số vấn đề đáng quan ngại nhất trong PAPI giai đoạn 2015-2024 Nguồn: (CECODES & cộng sự, 2025)

Bên cạnh đó, mối quan tâm đối với lĩnh vực y tế và bảo hiểm y tế đã thuyên giảm rõ rệt sau thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 năm 2021. Ở chiều hướng ngược lại, mức độ quan ngại về ô nhiễm môi trường ghi nhận sự gia tăng nhẹ, thể hiện qua nhu cầu ngày càng cao của người dân đối với việc Nhà nước cần ưu tiên giải quyết các thách thức về môi trường trong giai đoạn hậu đại dịch.

Dữ liệu thực chứng phản ánh xu hướng phục hồi trong cảm nhận của người dân về điều kiện kinh tế hộ gia đình vào năm 2024. Tuy nhiên, xét về mặt thống kê, tỷ lệ đánh giá tích cực hiện nay vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh (mốc so sánh năm 2021). Kết quả này cho thấy mặc dù quỹ đạo kinh tế có sự chuyển biến khả quan trong năm

qua, nhưng các hệ lụy kinh tế từ đại dịch vẫn tác động dai dẳng đến đời sống của nhiều hộ gia đình trong giai đoạn hậu đại dịch.

Cụ thể, báo cáo Chỉ số PAPI năm 2021 đã ghi nhận những đứt gãy nghiêm trọng trong sinh kế với hơn 37% người trả lời bị mất việc làm và 38% bị sụt giảm thu nhập. Dù bối cảnh kinh tế năm 2024 có nhiều dấu hiệu khởi sắc, những tổn thất về tài sản và tích lũy do đại dịch gây ra vẫn chưa được khỏa lấp hoàn toàn. Hơn nữa, quá trình phục hồi kinh tế của các hộ gia đình đang chịu áp lực cộng hưởng từ các cú sốc ngoại lai như biến đổi khí hậu khắc nghiệt và thiên tai, điển hình là cơn bão Yagi, làm gia tăng tính tổn thương và khiến nỗ lực ổn định kinh tế trở nên khó khăn hơn.



Hình 2. Đánh giá về tình hình kinh tế hộ gia đình hiện nay so với 5 năm trước giai đoạn 2011-2024 Nguồn: CECODES, RTA & UNDP (2025).

2.3. Tác động của giáo dục tới chỉ số PAPI

2.3.1. Giáo dục Nâng cao nhận thức và sự tham gia chính trị (Chỉ số nội dung 1 trong chỉ số PAPI)

Tri thức công dân: Giáo dục đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng nguồn vốn con người, giúp cá nhân tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham gia vào đời sống chính trị. Trình độ học vấn ảnh hưởng trực tiếp đến tri thức công dân về các chính sách hiện hành và các vị trí lãnh đạo then chốt.

Sự chênh lệch trong tham gia: Các nhóm dân cư có trình độ giáo dục thấp hơn (thường rơi vào nhóm phụ nữ và người dân tộc thiểu số) thường có hiểu biết hạn chế hơn về các cơ chế và thiết chế tham gia chính trị. Điều này dẫn đến mức độ trực tiếp tham gia bầu cử thấp hơn, từ đó làm giảm điểm số của địa phương ở Chỉ số nội dung 1 (Tham gia của người dân ở cấp cơ sở).

2.3.2. Giáo dục Thúc đẩy quản trị điện tử và thu hẹp khoảng cách số (Chỉ số nội dung 8 trong chỉ số PAPI)

Năng lực tiếp cận công nghệ: Giáo dục là nền tảng để người dân có đủ kỹ năng sử dụng internet và các thiết bị thông minh. Những người có trình độ học vấn cao thường có khả năng tiếp cận tin tức thời sự qua mạng và sử dụng các Cổng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả hơn.

Thách thức về khoảng cách số: Sự không đồng đều về giáo dục giữa các vùng miền, đặc biệt là vùng nông thôn và dân tộc thiểu số, tạo ra khoảng cách số. Những người hạn chế về trình độ gặp nhiều thách thức khi thao tác trên môi trường mạng, dẫn đến việc họ vẫn phải chọn cách làm thủ tục trực tiếp tại bộ phận một cửa truyền thống, làm giảm hiệu quả của các cổng dịch vụ công điện tử.

2.3.3. Giáo dục tác động gián tiếp tới chỉ số PAPI thông qua cải thiện điều kiện kinh tế và an sinh

Tích lũy tài sản và giảm nghèo: Giáo dục giúp cá nhân tăng năng suất lao động và thu nhập (mỗi năm học thêm làm tăng thu nhập từ 1,5–2,7%).

Trình độ học vấn cao có mối quan hệ tương quan thuận với việc tích lũy tài sản.

Thay đổi mối quan tâm ưu tiên: Những người có trình độ học vấn và thu nhập cao thường có xu hướng tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) nhiều hơn. Ngược lại, những người ít học thường không có tiền tiết kiệm, dẫn đến cảm nhận bấp bênh về kinh tế và coi đói nghèo là vấn đề cấp bách nhất cần chính quyền giải quyết. Điều này ảnh hưởng đến cách họ đánh giá mức độ ưu tiên và hiệu quả quản trị của chính quyền địa phương trong khảo sát PAPI.

2.3.4. Giáo dục và sự hài lòng với dịch vụ công (Chỉ số nội dung 6 trong chỉ số PAPI)

Đánh giá chất lượng dịch vụ: Người dân có trình độ nhận thức cao hơn sẽ có những kỳ vọng và tiêu chuẩn khắt khe hơn đối với chất lượng giáo dục tiểu học và y tế công lập.

Nhận diện các tiêu cực: Những người có trình độ và điều kiện tiếp cận thông tin tốt hơn có khả năng nhận diện các hành vi tham nhũng vặt như việc phải bồi dưỡng cho giáo viên để con em được ưu ái hoặc chi thêm tại bệnh viện công.

2.3.5. PAPI và sự tiến bộ giáo dục

Mối quan hệ giữa chỉ số PAPI và giáo dục mang tính hai chiều: PAPI giúp giải thích tại sao sự tiến bộ giáo dục lại khác nhau giữa các địa phương. Tại những nơi quản trị công yếu kém, tham nhũng cao và tiếp cận dịch vụ khó khăn, học sinh sẽ gặp nhiều rào cản hơn trong việc chuyển đổi giáo dục thành cơ hội thăng tiến xã hội. Ngược lại, một nền quản trị minh bạch và hiệu quả sẽ tạo môi trường lý tưởng để kết quả giáo dục trở nên bình đẳng hơn.

2.4. Đề xuất một số giải pháp

2.4.1. Đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận giáo dục

Cần tập trung phân bổ và ưu tiên nguồn lực tài chính, hạ tầng cho các khu vực vùng sâu, vùng xa và cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm thu hẹp khoảng cách về trình độ học vấn giữa các vùng

miền. Việc giảm thiểu sự bất bình đẳng này không chỉ nâng cao năng lực cá nhân mà còn tạo lập nền tảng vững chắc để người dân tham gia một cách thực chất và công bằng hơn vào các tiến trình quản trị công tại địa phương.

2.4.2. Nâng cao năng lực số và kỹ năng công nghệ

Để thu hẹp khoảng cách số đang tồn tại, các cơ quan chức năng cần triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số chuyên biệt dành cho phụ nữ và người dân tộc thiểu số. Việc nâng cao trình độ dân trí số giúp các nhóm đối tượng này khai thác hiệu quả các Công dịch vụ công trực tuyến, từ đó thúc đẩy chỉ số quản trị điện tử và tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân.

2.4.3. Tích hợp giáo dục vào chiến lược hoạch định chính sách tổng thể

Phát triển giáo dục cần được xác lập là ưu tiên hàng đầu trong quy hoạch kinh tế - xã hội để giải quyết triệt để các vấn đề về nghèo đói và bất bình đẳng mà dữ liệu PAPI đã nhận diện. Việc lồng ghép này đảm bảo giáo dục trở thành công cụ thăng tiến xã hội bền vững, giúp chuyển đổi kết quả học tập thành các cơ hội kinh tế và cải thiện an sinh xã hội cho người dân.

2.4.4. Tăng cường tính bao trùm và đại diện trong bộ máy quản trị

Cần có cơ chế cụ thể để tăng tỷ lệ đại diện của người dân tộc thiểu số trong các cơ quan ra quyết định tại địa phương. Sự hiện diện của các nhóm đối tượng này đảm bảo rằng các chính sách về giáo dục và dịch vụ công sẽ phản ánh sát thực nhu

cầu và đặc thù văn hóa của cộng đồng, từ đó nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với hiệu quả điều hành công.

2.4.5. Minh bạch hóa quản trị và nâng cao nhận thức pháp luật

Đẩy mạnh việc công khai, minh bạch các quy hoạch đất đai và ngân sách địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi trình độ học vấn và kiến thức pháp luật được nâng cao, người dân sẽ có đủ năng lực để giám sát các hoạt động của chính quyền, góp phần kiểm soát tham nhũng và thực thi trách nhiệm giải trình một cách hiệu quả

III. KẾT LUẬN

Giáo dục tại Việt Nam không chỉ là động lực tăng trưởng kinh tế mà còn là nhân tố quyết định sự thành công của cải cách quản trị công. Thông qua việc nâng cao nguồn vốn con người, giáo dục giúp công dân nhận thức rõ hơn về quyền lợi và trách nhiệm, từ đó tự tin tham gia giám sát chính quyền cũng như thực thi các quyền dân chủ cơ sở. Mặc dù hệ thống giáo dục và chỉ số PAPI đều ghi nhận những chuyển biến tích cực, sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền và nhóm dân tộc vẫn là rào cản lớn nhất hiện nay. Việc ưu tiên đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục tại các khu vực khó khăn không chỉ giúp thu hẹp khoảng cách số mà còn thúc đẩy năng lực sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến. Đây chính là nền tảng cốt lõi để nâng cao chỉ số PAPI một cách bền vững, hướng tới một nền quản trị minh bạch, hiện đại và thực sự lấy người dân làm trung tâm phục vụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- CECODES, RTA, & UNDP. (2025). *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI): Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân năm 2024*. Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng.
- Cornelissen, T., & Dang, T. (2022). The multigenerational impacts of educational expansion: Evidence from Vietnam. *Labour Economics*, 79, Article 102243. <https://doi.org/10.1016/j.labeco.2022.102243>.
- Hanh, N. D., & Dung, B. M. (2021). Investigation of causal correlations between higher education development and economic growth in Vietnam. *Review of European Studies*, 13(2), 83–94. <https://doi.org/10.5539/RES.V13N2P83>.
- Le, T. T. T., Tinh, P. T., Nguyen, P.-T., Le, C. D., Nguyen, M.-T., & Nguyen, T.-T. (2021). Preparing pre-service teachers for mathematics teaching at primary schools in Vietnam. *Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, 17(5), em1958. <https://doi.org/10.29333/EJMSTE/10863>.
- OECD. (2023). PISA 2022 results (Volume I): The state of learning and equity in education. *OECD Publishing*. <https://doi.org/10.1787/53f23881-en>.
- Thien Nga, V. H. (2024). Quality of life of Vietnam people through education and health index. *International Journal of Multidisciplinary Research and Analysis*, 7(10), 3921–3925. <https://doi.org/10.47191/ijmra/v7-i10-25>.
- Tran, D. B. (2022). Health benefits of education: Comparative evidence from Vietnam and Thailand. *SAGE Open*, 12(1). <https://doi.org/10.1177/21582440221085261>.
- Võ, D. H., & Hồ, C. M. (2022). Does educational attainment and gender inequalities affect wealth accumulation? Evidence from Vietnam. *Heliyon*, 8(12), e12502. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e12502>.